TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/DS-ST
Ngày: 06/02/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Nguyễn Kim Thủy
- Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Vinh – Thư ký Toà án quận Gò Vấp.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa*:*
Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐHPT-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1964; Địa chỉ: phường 26, quận Bình Thạnh, TPHCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990; Địa chỉ: phường 02, quận Bình Thạnh, TPHCM; Văn bản ủy quyền lập ngày 10/10/2016.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1970; Địa chỉ: phường 24, quận Bình Thạnh, TPHCM; Tạm trú: phường 5, quận Gò Vấp, TPHCM.

(Ông T có đơn đề nghị xét xử mặt; Bà N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2016 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng P và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ngày 16/5/2013, tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Đỗ Thị N có ký Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số 19051 với bà Nguyễn Thị Hồng P để vay số tiền 830.000.000 đồng tiêu dùng, kỳ hạn 02 năm kể từ ngày

26/5/2013, không thỏa thuận lãi suất và hai bên đã thực hiện việc giao, nhận số tiền tiền vay này trước khi ký kết hợp đồng.

Theo thỏa thuận của hợp đồng thì bà N phải thanh toán số tiền trên cho bà P hạn chót là ngày 26/5/2015, nhưng đến nay bà N vẫn chưa thanh toán.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 830.00.0000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Đỗ Thị N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tống đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền 830.000.000 đồng, trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu tiền lãi chậm thi hành án theo quy định.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Đỗ Thị N có vay của bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền 830.000.000 đồng để tiêu dùng theo Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số 19051 ngày 16/5/2013 nên xác định giữa bà L và bà P có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Do bà N không thanh toán nợ đúng hạn nên bà P khởi kiện bà N tại nơi bà N cư trú là quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh, bà N chuyển nhà về đăng ký tạm trú tại quận Gò Vấp, nên Tòa án nhân dân

quận Bình Thạnh chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý theo thẩm quyền, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Điều này phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bị đơn đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Hữu Đ là chồng bà Nguyễn Thị Hồng P. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là ông Nguyễn Ngọc T có bản tự khai xác nhận số tiền bà P cho bà N vay là tiền riêng của bà P, không phải là tài sản chung vợ chồng nên ông Đ không liên quan đến khoản tiền vay giữa hai bên đương sự. Do đó, Tòa án không đưa ông Đặng Hữu Đ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bà Đỗ Thị N thanh toán khoản tiền vay, không yêu cầu tòa án triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Do đó, Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp". Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm ngày 16/5/2013 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 830.000.000 đồng đồng để tiêu dùng. Kỳ hạn vay 02 năm tính từ ngày 26/5/2013. Không thỏa thuận lãi suất. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; …". Xét thấy, bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt hại cho nguyên đơn, nên cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng P do ông Nguyễn Ngọc T làm đại diện đối với bị đơn là bà Đỗ Thị N.

Buộc bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền 830.000.000 đồng (tám trăm ba mươi triệu đồng đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.900.000 đồng (ba mươi sáu triệu, chín trăm ngàn đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho bà Nguyễn Thị Hồng P là 18.450.000 đồng (mười tám triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2014/00008994 ngày 21/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị